| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚC THỌ,TP. HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

---

Bản án số: 15/2017/DS - ST
Ngày: 07 - 9 - 2017
V/v: "TrA chấp Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Hoàng Đức Ngọc
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Vũ Đức Sắc
Ông Đặng Hữu Tình

***- Thư ký phiên toà**:* Ông Khuất Tiến Phúc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST - DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc: "TrA chấp Hợp đồng vay tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*/ Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích L**, sinh năm 1963 (có mặt).
Địa chỉ: Cụm 4, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

*/ Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1979 (có mặt).
Địa chỉ: Cụm 8, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

*/ Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Chị Nguyễn Thị Diệu T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Cụm 4, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (có mặt).
- Cụ Khuất Thị C, sinh năm 1941; Địa chỉ cụm 4, xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội (Ủy quyền cho bà L theo giấy ủy quyền ngày 30/6/2017).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của bà Nguyễn Thị Bích L là nguyên đơn có trình bày như sau: Do bà L và chị Nguyễn Thị Ngọc A ở gần nhà, hơn nữa chị Ngọc A còn là giáo viên dạy học con trai bà L. Vì vậy, ngày 10/4/2011 bà L có cho chị Nguyễn Thị Ngọc A vay số tiền số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), trong đó có 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) của cụ Khuất Thị C là mẹ bà L. Khi vay, hai bên có viết Giấy nhận vay nợ, trong giấy hai bên có thỏa thuận thời gian vay là 1 tháng kể từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2011 (âm lịch), lãi suất không ghi vào giấy vay nợ nhưng hai bên có thỏa thuận là 0,8%/tháng.

Khi đến nhà bà L vay tiền chị Ngọc A có đi cùng em dâu là chị Nguyễn Thị Diệu T. Chị T là người trực tiếp viết Giấy nhận vay tiền sau đó ký, bà L có bảo chị Nguyễn Thị

Diệu T ký vào người làm chứng. Chữ "Người làm chứng" trong Giấy nhận vay tiền là do bà L viết ngay sau khi chị T ký, lúc đó có cả chị T và chị Ngọc A có mặt chứng kiến. Sau khi viết giấy xong bà L đưa tiền cho chị Ngọc A còn chị Ngọc A đưa tiền cho ai sử dụng thì bà L không biết.

Sau khi hết thời hạn vay bà L nhiều lần đến đòi nợ nhưng chị Ngọc A vẫn chưa trả số tiền trên.

Nay, bà L đề nghị chị Ngọc A trả số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc còn tiền lãi thì bà không yêu C nữa.

Ngoài ra bà L không yêu C gì khác.

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị Ngọc A: Qua quan hệ quen biết giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và bà Nguyễn Thị Bích L nên chị Nguyễn Thị Diệu T là em dâu của chị Ngọc A đã vay của bà L số tiền 250.000.000đ. Khi vay, hai bên có viết Giấy nhận vay nợ, trong giấy hai bên có thỏa thuận thời gian vay là 1 tháng kể từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2011 (âm lịch), lãi suất không ghi vào giấy vay nợ nhưng có thỏa thuận là 3.000đ/ngày. Khi đến nhà bà L vay, chị Ngọc A có đi cùng với chị T, trong Giấy nhận vay tiền chị Ngọc A và chị Nguyễn Thị Diệu T có ký vào bên người vay tiền nhưng theo chị Ngọc A chỉ ký vào là người làm chứng còn tiền thì chị T lấy và sử dụng toàn bộ số tiền vay. Trong thời gian vay, việc trả lãi và gốc cụ thể như thế nào thì chỉ có chị T và bà L thỏa thuận với nhau.

Vì vậy, nay bà L yêu C chị Ngọc A phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 250.000.000đ thì chị Ngọc A không đồng ý.

Ngoài ra không yêu C gì khác.

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị Diệu T: Chị T và bà L là người cùng làng, cùng xã nên có quen biết nhau. Ngày 10/4/2011 chị T có vay của bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Vì chị Nguyễn Thị Ngọc A (là chị gái chồng của chị T) thân quen bà L (Chị Ngọc A là giáo viên dạy con chị L) nên phải có chị Ngọc A làm tin thì Bà L mới cho chị T vay.

Khi đến vay tiền, chị T và chị Ngọc A đến, hai bên thỏa thuận vay số tiền 250 triệu và có làm giấy vay tiền. "Giấy nhận vay tiền" là chị T trực tiếp viết nhưng phải viết tên chị Nguyễn Thị Ngọc A là người nhận vay tiền thì bà L mới cho vay. Thực tế chị T là người nhận và sử dụng toàn bộ số tiền vay của bà L, chị Ngọc A chỉ đứng ra làm tin cho cho chị T vay.

Trong Giấy nhận vay tiền chỉ ghi số tiền vay là 250 triệu và thời hạn vay là 1 tháng từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2011 (âm lịch), hai bên không thỏa thuận tiền lãi nhưng có thỏa thuận là 2.700đ/1 triệu/ngày nhưng không ghi vào giấy vay. Sau một tháng chị T không trả được thì tính 3.000đ/1 triệu/ngày, sau 3 tháng không trả được thì trả lãi là 3.500đ/triệu/ngày, từ 10/11/2011 tiền lãi là 5.000đ/triệu/ngày.

Trong thời gian vay chị T đã trả tiền lãi cho bà L từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2011 số tiền là 20.250.000đ.

Từ ngày 10/5/2011 đến ngày 10/8/2011 số tiền trả lãi là 65.500.000đ.

Từ ngày 10/8/2011 đến ngày 10/11/2011 trả được số tiền 78.750.000đ.

Từ ngày 10/11/2011 đến ngày 31/12/2011 trả được 65.000.000.

Tổng số tiền lãi chị T đã trả cho bà L là: 231.500.000đ tiền lãi.

Tuy nhiên, khi trả lãi giữ chị T và bà L không ghi lại giấy tờ gì và cũng không có biên bản trả nợ.

Đến nay, chị T công nhận và chấp nhận trả bà L số tiền 250.000.000đ tiền gốc còn phần lãi đã trả chị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật trA chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 298, 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội: Chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyễn Thị Bích L, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc A phải có trách nhiệm thA toán cho bà L số tiền 250.000.000đ, về phần tiền lãi bà L không yêu C nên không xem xét giải quyết, chị Ngọc A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Do có quan hệ quen biết nên chị Nguyễn Thị Ngọc A và chị Nguyễn Thị Diệu T có vay của bà Nguyễn Thị L và cụ Khuất Thị C số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên có viết Giấy nhận vay tiền, trong giấy vay các bên thỏa thuận thời gian vay là từ ngày 10/4/2011 đến ngày 10/5/2011 (âm lịch) thì trả lại số tiền trên và hai bên đều ký nhận vào Giấy nhận vay tiền.

Trong số tiền 250 triệu thì số tiền 230 triệu là của bà L còn lại 20 triệu là của cụ Khuất Thị C là mẹ bà L.

Theo bà L thì bà chỉ cho chị Ngọc A vay còn chị T chỉ là người làm chứng. Tuy nhiên toàn bộ chữ viết trong Giấy nhận vay tiền là chị T viết còn chữ: "Người làm chứng" là bà L tự viết lấy hơn nữa trong bản khai, tại buổi hòa giải và tại phiên tòa chị T đều thừa nhận mình là người vay tiền và sử dụng toàn bộ số tiền vay.

Phía chị Nguyễn Thị Ngọc A chỉ thừa nhận mình là người làm chứng nhưng chị Ngọc A đã ký vào người nhận vay tiền và quên không viết vào là người làm chứng. Nhưng trong Giấy vay tiền đều thể hiện chị Ngọc A đứng tên là người vay tiền nên không có cơ sở để khẳng định chị là người làm chứng. Hội đồng xét xử xác định cả chị Ngọc A và chị T đều là người vay tiên của bà L. Vì vậy, cả hai chị cùng có trách nhiệm trả bà L số tiền đã vay.

Về khoản lãi suất bà L không yêu C nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

Về ý kiến của chị T từ thời gian vay là ngày 10/4/2011 đến ngày 31/12/2011 chị T đã trả tiền lãi cho bà L tổng cộng số tiền 231.500.000đ tiền lãi nhưng khi trả hai bên không viết lại giấy tời gì chỉ có nói qua điện thoại là đã trả được số tiền trên, tại phiên tòa bà L không công nhận số tiền chị T đã trả nên không có cơ sở nào để chấp nhận số tiền chị T đã trả cho bà L.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận chị Ngọc A và chị T cùng vay của bà L và cụ C số tiền là 250.000.000đ đến nay vẫn chưa trả khoản tiền trên nên theo Điều 298; 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 cần buộc chị T và chị Ngọc A phải có trách

nhiệm L đới trả cho bà L và cụ C số tiền 250.000.000đ. (chị Ngọc A phải có nghĩa vụ trả 125.000.000đ, chị T phải có trách nhiệm trả 1250.000.000đ).

Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc A và chị Nguyễn Thị Diệu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 298, 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thượng vụ Quốc hội.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu C khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc A và chị Nguyễn Thị Diệu T L đới trả cho bà Nguyễn Thị Bích L và cụ Khuất Thị C số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Chị Ngọc A phải trả số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và chị T phải trả số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà L và cụ C có đơn thi hành án mà chị Ngọc A và chị T không thi hành còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thA toán đối với số tiền chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); chị Nguyễn Thị Diệu T phải chịu 6.250.000đ (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền 9.900.000đ (Chín triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001893 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận**
*- TAND thành phố Hà Nội;*
*- VKSND huyện Phúc Thọ;*
*- CCTHADS huyện Phúc Thọ;*
*- Những người tham gia tố tụng;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

**Hoàng Đức Ngọc**